

Phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam:

Kinh nghiệm quốc tế và một số gợi ý

Để phát triển kinh tế bền vững trong dài hạn, nhiều quốc gia trên thế giới đã lựa chọn phát triển kinh tế xanh. Trong chiến lược tăng trưởng xanh, chiến lược phát triển ngân hàng xanh có vai trò quan trọng. Bài viết này sẽ nghiên cứu kinh nghiệm một số quốc gia trong việc phát triển ngân hàng xanh, cũng như thực trạng phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam hiện nay, từ đó đưa ra một số gợi ý chính sách cho Việt Nam.

1. Lý thuyết chung về ngân hàng xanh

Theo Lalon (2015), khái niệm ngân hàng xanh có thể được hiểu theo hai khía cạnh: (i) Ngân hàng thực hiện các hoạt động trực tiếp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường như sử dụng tiết kiệm năng lượng, nước, xử lý rác thải... (ii) Ngân hàng tác động gián tiếp đến môi trường thông qua việc tăng cường hỗ trợ các dự án thân thiện với môi trường như: Nhà máy sử dụng khí đốt từ chất thải, nhà máy cung cấp năng

lượng tái tạo và năng lượng mặt trời, nhà máy chế tạo phân sinh học...

Ngân hàng xanh có những đặc điểm chính như: (i) Triển khai các dịch vụ điện tử và tự động hóa; (ii) Ưu tiên cho vay hoặc đầu tư vào dự án có đánh giá các rủi ro liên quan đến môi trường; (iii) Quan tâm đến các mục tiêu xã hội, mục tiêu phát triển bền vững và phát triển xanh; (iv) Giám sát, hướng dẫn các dự án của khách hàng để giảm thiểu ô nhiễm môi trường; (v) Thay đổi năng lực đánh giá của cán bộ ngân hàng và khách hàng về các hoạt động thân thiện với môi trường...

Theo Raad (2015), khung chiến lược và chính sách triển khai ngân hàng xanh sẽ từng bước được nâng cấp theo 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Các ngân hàng thương mại (NHTM) dự kiến nguồn ngân sách phân bổ hàng năm cho việc triển khai ngân hàng xanh và thành lập bộ phận chuyên trách lập kế hoạch, đánh giá và quản lý các vấn đề liên quan đến ngân hàng xanh. Ngoài ra, các ngân hàng cần đánh giá rủi ro về môi trường trong quá trình cấp tín dụng và tiến hành các hoạt động khác như: Marketing xanh, thành lập quỹ rủi ro khí hậu, lập báo cáo về hoạt động ngân hàng xanh.

Giai đoạn 2: Ngân hàng xây dựng chiến lược tài trợ cụ thể cho từng lĩnh vực nhạy cảm với môi trường¹. Đối với hoạt

¹ Bao gồm: Nông nghiệp, ngành kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, thuộc da, đánh bắt cá, hàng may mặc, năng lượng tái tạo, bột giấy và giấy, đường và nhà máy rượu, xây dựng công trình, chế tạo máy và kim loại cơ bản, hóa chất, cao su và chất dẻo, bệnh viện, mua bán hóa chất...

động nội bộ, ngân hàng xanh có thể đặt mục tiêu cụ thể trong việc sử dụng hiệu quả năng lượng, giảm thiểu tiêu thụ khí gas, giảm phát thải khí nhà kính; tăng cường trả lương điện tử, phát hành thông báo điện tử. Ngoài ra, ngân hàng cần triển khai chương trình đào tạo về các hoạt động sử dụng hiệu quả nguồn năng lượng cho các khách hàng.

Giai đoạn 3: Các ngân hàng phải lập hệ thống quản lý môi trường trong nội bộ để tiếp tục triển khai 2 hoạt động: Thiết kế và giới thiệu sản phẩm xanh và thân thiện với môi trường; Lập báo cáo theo tiêu chuẩn xanh có xác minh của cơ quan bên ngoài.

2. Kinh nghiệm triển khai ngân hàng xanh của một số nước trên thế giới

2.1. Bangladesh

Ngân hàng Trung ương (NHTW) Bangladesh quan tâm sâu sắc đến ngân hàng xanh, yêu cầu các NHTM thực hiện khung chiến lược, chính sách ngân hàng xanh và hướng dẫn quản lý rủi ro môi trường. Hàng năm, NHTW Bangladesh đánh giá kết quả triển khai ngân hàng xanh và công bố 10 ngân hàng đứng đầu trên trang thông tin điện tử. Ngoài ra, NHTW Bangladesh còn đặt mục tiêu cho tín dụng xanh là 5% trong tổng dư nợ tín dụng trong nền kinh tế. Theo đó, NHTW đã tái cấp vốn cho các NHTM để tài trợ cho các dự án xử lý nguồn phát thải, nhà máy biogas, phát triển pin năng lượng mặt trời.

Bên cạnh đó, các NHTM Bangladesh cũng thực hiện cách mạng xanh trong hoạt động nội bộ của ngân hàng thông qua

việc: Nâng cấp hệ thống pin năng lượng mặt trời của ngân hàng; sử dụng đèn LED để chiếu sáng; sử dụng nhiều phương thức giao tiếp trực tuyến để giảm chi phí văn phòng; khuyến khích nhân viên mua ô tô tiết kiệm năng lượng nhằm giảm việc tiêu thụ gas và xăng dầu.

2.2. Đức

Là một trong những nước khởi xướng khái niệm ngân hàng xanh, Đức đã triển khai nhiều chương trình hỗ trợ tài chính cho các NHTM thực hiện dự án bảo vệ môi trường. Ngân hàng Tái thiết và Phát triển Đức (KfW) đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế các sản phẩm tài chính xanh. Chính phủ Đức chỉ thực hiện các khoản cho vay tái chiết khấu đối với KfW hoặc xây dựng khung pháp lý để điều hành hiệu quả và công bằng trong hệ thống ngân hàng xanh.

Năm 2008, dư nợ tín dụng đối với các dự án môi trường đã chiếm đến 21,66% tổng dư nợ cho vay chính sách, tập trung vào lĩnh vực tiết kiệm năng lượng, bảo vệ đất, kiểm soát ô nhiễm nước. Trước khi cấp tín dụng, KfW đánh giá hiệu quả kinh tế của các dự án, nhưng khi phê duyệt khoản tín dụng dự án, KfW lại xem xét việc dự án có tuân thủ các nguyên tắc về môi trường, sức khỏe và an toàn đối với cộng đồng hay không, mức độ tuân thủ như thế nào. Sau đó, KfW sẽ đưa ra các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực.

2.3. Trung Quốc

Sự phát triển kinh tế nhanh đã kéo theo những vấn đề về môi trường như ô nhiễm nước và không khí, ảnh hưởng đến

cuộc sống người dân và sự phát triển bền vững. Năm 2007, Trung Quốc đã vượt qua Hoa Kỳ, trở thành nước phát thải nhiều các bon nhất thế giới. Từ năm 1995, NHTW Trung Quốc, Cơ quan bảo vệ môi trường của Chính phủ Trung Quốc đã ban hành chính sách, quy định về sử dụng tín dụng nhằm bảo vệ môi trường, song những nỗ lực đó không đem lại nhiều kết quả, do tăng trưởng kinh tế đang là vấn đề ưu tiên hàng đầu và sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ trong bảo vệ môi trường còn rất lỏng lẻo.

Năm 2007, chính sách tín dụng xanh được thực hiện cùng với các chương trình quốc gia khác về môi trường do 3 cơ quan phối hợp ban hành là Bộ Môi trường, NHTW và Ủy ban Giám sát tài chính, bao gồm: Chính sách an ninh xanh, bảo hiểm xanh, chứng khoán xanh... Theo đó, các NHTM phải xem xét khía cạnh môi trường của các dự án trước khi giải ngân và dừng cho vay với các dự án gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường; thực hiện cơ chế phối hợp giữa các NHTM và các bộ, ngành trong vấn đề chia sẻ thông tin về tác động từ hoạt động sản xuất - kinh doanh tới môi trường. Bên cạnh đó, Hiệp hội các ngân hàng Trung Quốc cũng hướng dẫn các ngân hàng phát hành báo cáo thường niên về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Hiện nay, rất nhiều NHTM ở Trung Quốc đã xây dựng được cơ sở dữ liệu về rủi ro môi trường của khách hàng. Theo số liệu thống kê, các khoản vay cho các dự án bảo vệ môi trường tiết kiệm năng lượng có xu hướng tăng lên.

Tín dụng ngân hàng dành cho các dự án bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng tại Trung Quốc, 2007 - 2010

Năm	Giá trị tín dụng (tỷ CNY)	Tỷ trọng trong tổng dư nợ tín dụng (%)	Số lượng dự án	Số lượng doanh nghiệp
2007	341,1	2,7	2.715	3.505
2008	371	3,11	2.983	3.615
2009	856	8,93	6.412	4.099
2010	1.010,7	-	-	-

Nguồn: YunWen B., Michael F. và Jing L. (2014)

3. Thực trạng ngân hàng xanh tại Việt Nam

Chủ trương phát triển kinh tế xanh tại Việt Nam đã được thể hiện rõ trong Quyết định số 1393/QĐ-TTg ngày 25/9/2012 phê duyệt Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh; Quyết định số 403/QĐ-TTg ngày 20/3/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2014 - 2020².

Ngân hàng xanh sẽ là nguồn lực quan trọng để thực hiện Chiến lược tăng trưởng xanh đến năm 2020 vì hệ thống ngân hàng có thể góp phần hạn chế những rủi ro về mặt môi trường, xã hội, thông qua việc không cho vay vốn đối với những dự

² Với mục tiêu cụ thể: Tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng xanh hóa các ngành hiện có và khuyến khích phát triển các ngành kinh tế sử dụng hiệu quả năng lượng và tài nguyên với giá trị gia tăng cao; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, giảm cường độ phát thải khí nhà kính, góp phần ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu; nâng cao đời sống nhân dân, xây dựng lối sống thân thiện với môi trường thông qua tạo nhiều việc làm từ các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ xanh, phát triển hạ tầng xanh...

án gây ô nhiễm hoặc có tác động xấu tới môi trường và cuộc sống của người dân. Mặt khác, việc kiểm soát chặt ngay từ khâu thẩm định tín dụng còn khuyến khích các doanh nghiệp hướng tới các hoạt động sản xuất - kinh doanh sạch và an toàn hơn. Để góp phần thực hiện kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-NHNN nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng xanh và quản lý rủi ro môi trường và hoạt động xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng, cải thiện chất lượng môi trường và bảo vệ sức khỏe con người, đảm bảo phát triển bền vững. Tuy nhiên, vẫn chưa có quy định cụ thể về các lĩnh vực ngành nghề cần ưu tiên hỗ trợ, những lĩnh vực, ngành nghề cần hạn chế trong chiến lược phát triển ngân hàng xanh để làm căn cứ cho các NHTM trong quá trình thẩm định, cấp tín dụng. Ngoài ra, hiện còn thiếu văn bản quy định trách nhiệm đối với những ngân hàng tài trợ tín dụng cho các dự án có tác động xấu đến môi trường và xã hội. Văn bản pháp lý cao nhất quy định về các hoạt động bảo đảm an toàn môi trường là Luật Bảo vệ môi trường chi tiết trung làm rõ trách nhiệm của khối doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các ngành nghề quan trọng, ngoài ra không nhắc đến trách nhiệm của ngành tài chính, ngân hàng. Các chế tài về xử lý ô nhiễm quy định trong Luật Bảo vệ môi trường cũng như trong Bộ luật Hình sự - phần quy định về tội phạm môi trường - cũng chỉ áp dụng với các tổ chức, cá nhân trực tiếp gây ô nhiễm.

Ngoài ra, khái niệm ngân hàng xanh vẫn còn khá mới đối với hệ thống ngân hàng. Nhiều ngân hàng vẫn chưa triển khai hệ thống đánh giá rủi ro về môi trường của các dự án được cấp tín dụng. Việc lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp đầu tư công nghệ xanh không được ưu đãi nhiều so với các dự án thông thường đã làm giảm động lực của các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh.

Trong hoạt động nội bộ, hệ thống NHTM Việt Nam hiện nay cũng chưa đi tiên phong trong việc giảm rác thải, sử dụng các công nghệ tiết kiệm năng lượng như giảm giấy thải và in ấn tiết kiệm... Ngoài ra, cơ chế phối hợp trao đổi thông tin của hệ thống NHTM và các cơ quan chức năng khác của Nhà nước như Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng còn chưa chặt chẽ.

4. Một số giải pháp phát triển ngân hàng xanh tại Việt Nam

Thứ nhất, NHNN cần phối hợp với các bộ, ngành để đưa ra một danh mục cụ thể các lĩnh vực, ngành nghề cần ưu tiên hỗ trợ, cũng như cần hạn chế trong chiến lược phát triển ngân hàng xanh để các NHTM tham khảo làm căn cứ trong quá trình cấp tín dụng cho các dự án; đồng thời, cần có chế tài xử phạt đối với các NHTM tài trợ tín dụng cho các dự án có ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và xã hội.

Thứ hai, NHNN cần có các chính sách khuyến khích các NHTM cấp tín dụng ưu đãi (về hạn mức, lãi suất) cho các doanh nghiệp đầu tư vào các dự án tiết kiệm năng lượng, công nghệ xanh...; đặt mục tiêu cụ thể, phù hợp với điều kiện của

Việt Nam về tỷ lệ tín dụng xanh trong tổng dư nợ tín dụng.

Thứ ba, các NHTM cần tăng cường đánh giá tác động của các dự án đến môi trường, xã hội như: Thẩm định yếu tố rủi ro về môi trường và an sinh xã hội của dự án trước khi cấp tín dụng; loại trừ hoặc hạn chế cấp tín dụng đối với các dự án có khả năng ảnh hưởng lớn và nghiêm trọng đến môi trường xã hội; định kỳ kiểm tra, giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với khoản tín dụng đã cấp cho khách hàng.

Thứ tư, các NHTM cần tập trung đổi mới hoạt động nội bộ theo hướng thân thiện với môi trường thông qua việc sử dụng tiết kiệm năng lượng, nước, văn phòng phẩm; xử lý rác thải theo quy chuẩn; ứng dụng công nghệ thông tin trong giao dịch, trao đổi văn bản điện tử và họp trực tuyến.

Thứ năm, cùng với việc nhanh chóng ban hành bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường, xã hội để các NHTM có thể áp dụng, NHNN cần có cơ chế phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành khác trong vấn đề chia sẻ thông tin liên quan đến tác động từ hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp đối với môi trường để làm cơ sở cho các NHTM ra quyết định cấp tín dụng tài trợ.

Hồ Ngọc Tú
Nguyễn Mai Hào

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Huân (2014), *Xây dựng ngân hàng xanh tại Việt Nam*, Tạp chí Kinh tế phát triển và hội nhập, số 14, Tr. 4-9.
2. Vũ Thị Kim Oanh (2015), *Ngân hàng xanh, kinh nghiệm quốc tế và những khuyến nghị cho Việt Nam*, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, số 16, Tr. 21-24.
3. YunWen. B, Michael. F và Jing. L (2014), *The Role of China's Banking Sector in Providing Green Finance*.
4. Vikas. N, Nitin. N và Ankit. G (2014), *Green Banking Practice - A Review*, Institute of Management and Research, pp. 45- 62.
5. Raad (2015), *Green Banking: Going Green*, International Journal of economics, Finance and Management Science, No 1. pp. 34 - 42.
6. Md. Shafiqul Islam, Prahallad Chandra Das (2013), *Green Banking Practices in Bangladesh*, IOSR Journal of Business and Management, Volume 8. PP. 39-44.